

PHỤ LỤC II

Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công bảo trì thiết bị mạng thông tin - Kiểm tra và hiệu chỉnh máy chủ (server)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2019)

43.150210.00 kiểm tra và hiệu chỉnh máy chủ (server)

BẢNG 1 (Căn cứ: Công văn số 258/BTTTT-KHTC ngày 09/02/2009)

Mã hiệu	Thành phần	Đơn vị	Loại máy chủ				Đơn giá	Quản lý tên miền (DNS Server)
	hao phí		Quản lý tên miền (DNS Server)	Làm bức tường lửa (FireWall Server)	Cung cấp thông tin (Netnews Server)	Thư điện tử (Mail Server)		
43.150210.00	+ <u>Vật liệu phụ</u>							
Kiểm tra và hiệu chỉnh máy chủ	- Giấy khổ A ₄	Gram	0,05	0,05	0,04	0,06	95.000	4.750
	- Giấy in 40x2000 0 mm	cuộn	0,1	0,2	0,1	0,2	20.000	2.000
	- <u>Vật liệu khác</u>	%	5	5	5	5	115.000	5.750
	+ <u>Nhân công</u>							
	- Kỹ sư 5	công	20,5	24,5	12,3	30,8	345.795	7.088.798
	+ <u>Máy thi công</u>							
	- Máy đo phân tích thủ tục	ca	0,7	0,8	0,4	1	132.881	93.017
	Tổng							7.194.314

BẢNG 2 (Căn cứ: Công văn số 258/BTTTT-KHTC ngày 09/02/2009)

			Loại máy chủ		
--	--	--	--------------	--	--

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Quản lý Web (Web Server)	Quản trị mạng (NMS Server)	Quản lý cước (Billing Server)	Thực hiện các chức năng khác	Đơn giá	Quản lý Web (Web Server)
43.15021 0.00	+ <u>Vật liệu phụ</u>							
Kiểm tra và hiệu chỉnh máy chủ	- Giấy khổ A ₄	Gram	0,04	0,06	0,06	0,05	95.000	3.800
	- Giấy in 40x2000 0 mm	cuộn	0,1	0,2	0,3	0,1	20.000	2.000
	- <u>Vật liệu khác</u>	%	2	2	2	2	115.000	2.300
	+ <u>Nhân công</u>							
	- Kỹ sư 5	công	12,5	30,5	34,7	25,5	345.795	4.322.438
	+ <u>Máy thi công</u>							-
	- Máy đo phân tích thủ tục	ca	0,5	1	1,2	0,9	132.881	66.441
	Tổng							4.396.978

Ghi chú:

- + Bảng định mức trên áp dụng cho các máy chủ với quy mô mạng: 25.000 khách hàng. Nếu quy mô
 - Quy mô mạng 50.000 khách hàng định mức nhân với hệ số 1,25.
 - Quy mô mạng 75.000 khách hàng định mức nhân với hệ số 1,50.
 - Quy mô mạng 100.000 khách hàng định mức nhân với hệ số 1,75.
- (Quy mô mạng được hiểu là số lượng khách hàng tối đa mạng có thể đáp ứng được trong điều kiện

ĐI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tự do - Hạnh phúc

và hiệu chỉnh máy chủ
(của UBND tỉnh)

Thành tiền		
Làm bức tường lửa (FireWall Server)	Cung cấp thông tin (Netnews Server)	Thư điện tử (Mail Server)
4.750	3.800	5.700
4.000	2.000	4.000
5.750	5.750	5.750
8.471.978	4.253.279	10.650.486
106.305	53.152	132.881
8.592.782	4.317.981	10.798.817

Thành tiền

Quản trị mạng (NMS Server)	Quản lý cước (Billing Server)	Thực hiện các chức năng khác
5.700	5.700	4.750
4.000	6.000	2.000
2.300	2.300	2.300
10.546.748	11.999.087	8.817.773
-	-	-
132.881	159.457	119.593
10.691.629	12.172.544	8.946.415

ồ mạng có dung lượng khác được tính theo hệ số như sau:

đảm bảo chất lượng các dịch vụ, công tác quản lý).